

Số: /QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt kết quả tuyển sinh lớp 10 THPT Trường THPT Mông Dương,
năm học 2025-2026**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 18/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh lớp 6 phổ thông dân tộc nội trú và lớp 10 trung học phổ thông các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh trung học phổ thông và phổ thông dân tộc nội trú năm học 2025-2026;

Căn cứ Hướng dẫn số 610/SGDĐT-GDPT ngày 23/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2025-2026; Quyết định số 198/QĐ-SGDĐT ngày 29/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định địa bàn tuyển sinh, mã nhóm xét tuyển và phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú, trường trung học phổ thông công lập năm học 2025-2026 của tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-SGDĐT ngày 16/5/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng duyệt kết quả tuyển sinh lớp 6, lớp 10 năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-SGDĐT ngày 23/5/2025 của Sở GDĐT về việc phê duyệt danh sách học sinh tuyển thẳng vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2025-2026;

Xét Tờ trình số 260/TTr-HĐTS ngày 28/6/2025 của Trường THPT Mông Dương về việc đề nghị phê duyệt kết quả tuyển sinh vào lớp 10 Trường THPT Mông Dương, năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Hội đồng duyệt kết quả tuyển sinh lớp 6, lớp 10 năm học 2025-2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả tuyển sinh vào lớp 10 THPT của Trường THPT Mông Dương, năm học 2025-2026:

1. Số lượng học sinh trúng tuyển: 223 (*hai trăm hai mươi ba*).
2. Số lớp: 5 (*năm*).

(Danh sách cụ thể kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Hiệu trưởng Trường THPT Mông Dương có trách nhiệm công bố công khai kết quả tuyển sinh tới học sinh, cha mẹ học sinh và thông báo Kế hoạch nhập học của trường cho các học sinh trúng tuyển theo quy định.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường THPT Mông Dương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- GD, các PGD Sở;
- Các trường có cấp học THPT;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, GDPT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trịnh Đình Hải

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

Trường THPT Mông Dương

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
1	022310005571	Phạm Hà	Phương	11/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Thôn 4, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			7	8,4	8	23.40
2	022310008794	Hoàng Thái	Bảo	27/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Thôn Đông Tiên, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1	1		7,5	7	6	21.50
3	022310003947	Vi Thùy	Dung	10/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Tày	Thôn 1, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		5	6,8	6,25	19.05
4	022210002886	Nguyễn Việt	Hoàng	28/01/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Thôn 2, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			4,75	7,6	6,25	18.60
5	022310006188	Hà Thị Thanh	Ngân	22/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Thôn Hà Loan, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		5,75	4,8	7	18.55
6	022310000916	Huỳnh Thị Vy	Thảo	22/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Thôn Cầu Trắng, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		5,5	5,8	5,75	18.05
7	022310001917	Đào Thị	Hường	14/04/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Thôn Tân Hải, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1	1		5,5	4,8	6,75	18.05
8	022210007401	Đỗ Minh	Nhật	06/05/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Thôn Cầu Trắng, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			5,5	5,4	7	17.90
9	022310006039	Tô Ngọc	Linh	03/11/2010	Quảng Ninh	Nữ	Tày	Thôn Khe, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		6,75	3,8	6	17.55
10	022210008388	Lê Thái	Dương	30/07/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Thôn 4, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			6,25	4,4	6,25	16.90

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
11	022310009427	Bàn Hoàng	Nhi	20/05/2010	Quảng Ninh	Nữ	Dao	Thôn Tân Hải, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1	1		5,75	3,6	5,75	16.10
12	022310008534	Tổng Thùy	Linh	12/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Thôn Đông Tiên, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1	1		6,75	3,6	4,5	15.85
13	022310002492	Điệp Thị Minh	Thư	03/04/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Thôn Khe, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		4	5,8	4,75	15.55
14	022310003047	Nguyễn Minh	Thư	13/04/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Thôn Đoàn Kết, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1			6	5,6	3,5	15.10
15	022310006108	Nguyễn Thị	Hà	06/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Thôn Tân Hải, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1			6	4,8	4,25	15.05
16	022310010921	Đỗ Ngọc	Hà	18/05/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Thôn Giữa, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			5	3,6	6,25	14.85
17	022210003540	Đàm Gia	Vinh	04/12/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Thôn Tân Hải, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1	1		4,5	4	5,25	14.75
18	022310009042	Tạ Khánh	Huyền	10/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Thôn Hà Tranh, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		5,75	4,4	3,5	14.65
19	022210001792	Tạ Bảo	Quốc	03/04/2010	Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	Thôn Đoàn Kết, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1	1		5,25	3,4	5	14.65
20	022310001039	Hà Diệu	Ly	11/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Thôn 2, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			6	2,8	5,75	14.55
21	022310004978	Nguyễn Tố	Như	08/03/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Thôn 1, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			5,5	3	6	14.50
22	022310010867	Lùng Tuyết	Mai	10/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Hoa	Thôn Đông Tiên, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1	1		5,75	3,2	4,5	14.45

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
23	022210006523	Linh Đức	Hiếu	13/10/2010	Quảng Ninh	Nam	Dao	Thôn Đông Tiên, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1	1		5,5	3,4	4,5	14.40
24	022310000438	Vi Khánh	Huyền	22/12/2010	Quảng Ninh	Nữ	Tày	Thôn 3, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		5	2,6	5,75	14.35
25	022210005150	Nguyễn Gia	Bảo	16/09/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Thôn Đoàn Kết, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1	1		4,25	3,6	5,5	14.35
26	022310005652	Bé Thị Khánh	Huyền	26/11/2010	Quảng Ninh	Nữ	Tày	Khu 10, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	1	1		5,25	3	5	14.25
27	022310009084	Điệp Thị Hoàng	Lan	06/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Thôn 1, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		6	4	3,25	14.25
28	022210001034	Lưu Đức	Thắng	02/04/2010	Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	Thôn Khe, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		3,25	5,2	4,75	14.20
29	022210010017	Hà Gia	Khánh	13/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Thôn Ngoài, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		4	4,6	4,5	14.10
30	022310011665	Hà Thị Như	Quỳnh	20/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Thôn Đồng Cói, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			5,5	2,8	5,75	14.05
31	022210008507	Hoàng Đình	Phong	23/04/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Thôn Giữa, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			4	3,8	6,25	14.05
32	022210001009	Nguyễn Thành	Đạt	08/12/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Thôn Cầu Trắng, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		4	3,8	5	13.80
33	022210005719	Nguyễn Đức	Thành	14/07/2010	Hải Dương	Nam	Kinh	Thôn Tân Hải, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1			3,75	3,8	6,25	13.80
34	022310011543	Vũ Mai	Trang	24/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Thôn 2, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			4,75	3,2	5,75	13.70

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
35	022310007001	Hoàng Thị Yến	Nhi	16/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Thôn Ngoài, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			4,5	3,8	5,25	13.55
36	022210010743	Khổng Tiến	Đạt	28/05/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Thôn 4, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			5,5	3,8	4,25	13.55
37	022210002181	Nguyễn Tiến	Duy	31/12/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Thôn Cầu Trắng, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			3,25	4,6	5,25	13.10
38	022310004365	Hoàng Thị	Dung	15/05/2010	Quảng Ninh	Nữ	Tày	Thôn Đông Tiên, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1	1		5,75	3,8	2,5	13.05
39	022210005833	Tạ Văn	Phú	06/07/2010	Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	Thôn Đông Tiên, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1	1		4,5	5,8	1,75	13.05
40	022310008092	Đỗ Thanh	Nhàn	19/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Thôn 4, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			5,5	5,6	1,75	12.85
41	022310006279	Vương Thị Anh	Thư	03/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Nùng	Thôn Hà Tranh, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		4	2,8	5	12.80
42	022210011164	Dương Văn	Tuấn	02/07/2010	Quảng Ninh	Nam	Tày	Thôn Khe, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		3,75	2,8	5,25	12.80
43	037210006727	Nguyễn Tiến	Tài	19/02/2010	Ninh Bình	Nam	Kinh	Thôn Tân Hải, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1			2	3,6	6,25	11.85
44	022310002824	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	27/05/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Thôn Đoàn Kết, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1	1		5	2,8	3	11.80
45	022210010733	Phạm Anh	Phi	15/07/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Thôn 2, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			4,5	3,4	3,75	11.65
46	022310002989	Lý Thị Quỳnh	Anh	20/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Dao	Thôn Sơn Hải, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		4	3,6	3	11.60

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
47	022210003046	Hoàng Tiến	Thành	21/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Thôn Ngoài, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		4,25	3,6	2,75	11.60
48	022210001939	Bùi Thanh	Tuấn	09/06/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Thôn 2, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			4	2,2	5,25	11.45
49	022210011229	Hoàng Gia	Huy	18/07/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Thôn 1, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1			3	3,8	4,5	11.30
50	022310001626	Trần Ngọc	Khánh	20/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Thôn Đoàn Kết, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1			4	4,8	2,5	11.30
51	022210010533	Bàng Niên	Kiệt	30/05/2010	Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	Thôn Đông Tiên, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1	1		4,25	3,4	2,25	10.90
52	022210006997	Tạ Hải	Nghĩa	20/01/2010	Quảng Ninh	Nam	Sán Dìu	Thôn Đông Tiên, Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Dương Huy	Tiếng Anh	1	1		4,75	3,6	1,5	10.85
53	022310004193	Tô Ánh	Nguyệt	03/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Thôn Ngoài, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		3,5	3	3,25	10.75
54	022310008038	Hoàng Ngọc	Anh	03/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Tày	Thôn Khe, Xã Hải Hòa, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Hải Hòa	Tiếng Anh	1	1		2,5	3,2	4	10.70
55	001310004370	Khuất Hoàng Khánh	Nhi	02/08/2010	Hà Nội	Nữ	Kinh	Phường Trung Sơn Trầm, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội	Mông Dương	Tiếng Anh	2			9	9,6	9,25	27.85
56	034310003898	Vũ Minh	Phương	20/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			8	10	8,5	26.50
57	022310006827	Phạm Thị Khánh	Nhi	14/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 1, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7,75	9	9	25.75

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
58	034210000314	Thái Minh	Vũ	14/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			8	9,4	7,75	25.15
59	037210000003	Lê Văn	Trường	04/07/2010	Ninh Bình	Nam	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7,75	9,4	7,75	24.90
60	020210009983	Vũ Huy	Hoàng	19/09/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2	1		7,5	8,6	7,75	24.85
61	022210001581	Nguyễn Duy	Đặng	23/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7,25	9,8	7,75	24.80
62	022310011379	Vũ Mai	Anh	30/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 9, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7,25	8,4	9	24.65
63	022310009863	Lê Thị Vân	Anh	18/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 4, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			8,25	8,6	7,75	24.60
64	030310000565	Lê Thị Minh	Khánh	04/03/2010	Hải Dương	Nữ	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,75	9,4	8,25	24.40
65	022210002078	Nguyễn Tiến	Đức	12/05/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7	9,4	8	24.40
66	040210005879	Nguyễn Văn Đại	Phong	17/01/2010	Nghệ An	Nam	Kinh	Khu 7, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7	9	8,25	24.25
67	022310000264	Hoàng Mai	Phương	22/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Xóm Đông 2, Xã Liên Vĩ, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			8	8,4	7,75	24.15

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
68	022310007749	Lê Minh	Ngọc	02/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,75	9,8	7,25	23.80
69	022210003414	Hoàng Xuân	Cường	22/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,25	9,8	7,75	23.80
70	034310003918	Bùi Minh	Hằng	06/05/2010	Thái Bình	Nữ	Kinh	thái hòa 2, Xã Đông Hoàng, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7	8,8	8	23.80
71	022310002645	Phạm Hà Ngọc	Ánh	30/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 9, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7,5	8,6	7,5	23.60
72	022210010871	Vũ Duy	Minh	14/12/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 3, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6	9,6	8	23.60
73	033310003363	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	04/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 5, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			8	8	7,5	23.50
74	022210003058	Lại Anh	Dũng	28/02/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,25	9	8,25	23.50
75	022210007841	Nguyễn Công	Vinh	21/06/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,75	9	7,75	23.50
76	030310004817	Nguyễn Thị Thảo	Vy	15/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 5, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,75	9,2	7,5	23.45
77	022310005134	Nguyễn Hoàng Thu	Phương	23/03/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 11, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,5	9,4	7,5	23.40

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
78	022310008465	Nguyễn Ngọc	Anh	24/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 9, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,5	9,6	7,25	23.35
79	022310009497	Đinh Nguyễn Bảo	Châu	16/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 5, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			8,5	6,8	8	23.30
80	022310006265	Phạm Song	Thư	24/04/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 7, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,25	9,2	7,75	23.20
81	022210003360	Đặng Thái	Son	17/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7,25	8,2	7,75	23.20
82	030310005425	Vũ Hà	Linh	29/04/2010	Hải Dương	Nữ	Kinh	TRÌNH XA, Xã Gia Lương, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7,25	8,4	7,5	23.15
83	022310000159	Đào Ngọc Cẩm	Linh	21/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7	9	7	23.00
84	042310010701	Trịnh Thị Kim	Ngân	25/11/2010	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	thanh ngọc, Xã Phù Lưu, Huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			8	6,6	8,25	22.85
85	030310005241	Đỗ Thị Thúy	Hà	15/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7	7,8	8	22.80
86	022310006121	Nguyễn Văn	Anh	12/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 11, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,75	8	8	22.75
87	022210011553	Trần Hữu	Nam	16/01/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 2, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,5	9	7,25	22.75

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
88	033210013451	Nguyễn Hoàng	Long	28/08/2010	Hưng Yên	Nam	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,75	8,2	7,75	22.70
89	022210004115	Đỗ Hoàng	Bách	14/06/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 1, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2	1		5,75	8,4	7,5	22.65
90	022210003872	Vũ Đăng	Khoa	14/01/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 5, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,75	8,4	7,5	22.65
91	037210006434	Trần Trung	Hải	16/10/2010	Ninh Bình	Nam	Kinh	Xóm Nam, Xã Ninh Giang, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình	Mông Dương	Tiếng Anh	2			8	7,4	7,25	22.65
92	030310010934	Khổng Tú	Phượng	26/09/2010	Hải Dương	Nữ	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7	7,6	8	22.60
93	022210012012	Dương Văn	Tùng	18/04/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,75	9	7,75	22.50
94	027310004381	Trịnh Thị Thu	Hằng	11/04/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 11, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7	8,2	7,25	22.45
95	030210000462	Trần Duy	Hiệp	03/02/2010	Hải Dương	Nam	Kinh	Thôn Cây, Xã Long Xuyên, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,75	8,2	7,5	22.45
96	033210011972	Hoàng Thành	Đạt	24/07/2010	Hưng Yên	Nam	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,25	8,6	7,5	22.35
97	022310010672	Vương Bảo	Ngọc	20/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 11, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7	7,8	7,5	22.30

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
98	022310010757	Nguyễn Mai	Linh	14/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 9, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7	7	8,25	22.25
99	022210001694	Vũ Thế	Phúc	09/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 9, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2	1		6,25	7,4	7,5	22.15
100	022310007597	Đỗ Minh	Ánh	02/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7,5	6,6	8	22.10
101	030310003043	Trần Diệp	Anh	03/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 7, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7	7,2	7,75	21.95
102	022210002073	Nguyễn Đức	Hùng	13/06/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 5, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7,25	7,2	7,5	21.95
103	037210001545	Cao Thế	Hùng	11/10/2010	Ninh Bình	Nam	Kinh	Phô Tây Sơn 3, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,75	7,6	7,5	21.85
104	022310005861	Vũ Phạm Hải	Yến	27/03/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			4,5	8,8	8,5	21.80
105	022210009071	Nguyễn Tiến	Đạt	15/01/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			4,25	9,8	7,75	21.80
106	031310002312	Phạm Phương	Nhung	23/07/2010	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Khu 1, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7	8	6,75	21.75
107	022310007765	Lê Thanh	Vân	09/05/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7,5	7	7,25	21.75

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
108	022210006969	Võ Hoàng	Anh	20/05/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,25	9,2	7,25	21.70
109	022210002663	Hoàng Việt	Anh	02/05/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 3, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,75	7,4	7,5	21.65
110	022210004928	Hà Đức	Hiếu	15/05/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7,25	6,4	8	21.65
111	034310012375	Lê Thị Thúy	Hường	10/03/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Tô dân phố Hồ Đệ 1, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,25	7,6	7,75	21.60
112	022310002925	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhi	03/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			8	7,2	6,25	21.45
113	022210001662	Nguyễn Đỗ Hoàng	Anh	26/02/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5	9,2	7,25	21.45
114	022210000212	Vũ Trọng	Hiếu	30/05/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,25	7,6	8,5	21.35
115	022210009861	Trần Việt	Hưng	05/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7,25	7	6,75	21.00
116	022310004880	Vũ Ngọc	Anh	20/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7,25	6,4	7,25	20.90
117	022310005412	Phạm Anh	Thư	27/05/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,5	6,8	7,5	20.80

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
118	024310001783	Đinh Thị Ánh	Dương	19/09/2010	Bắc Giang	Nữ	Kinh	Khu 3, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,75	8	7	20.75
119	022310002836	Trương Diệu	Trang	02/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,75	7	8	20.75
120	022210011711	Nguyễn Ngọc	Tú	04/10/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7	6,4	7,25	20.65
121	022310000496	Đào Minh	Uyên	10/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 11, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,75	6,8	7	20.55
122	022210003274	Nguyễn Lê Duy	Anh	05/07/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6	6,8	7,75	20.55
123	022310004275	Phan Thị Quỳnh	Trang	03/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 11, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,5	8	6	20.50
124	022210006392	Phạm Hùng	Trưởng	09/05/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,75	9	5,75	20.50
125	022310009441	Nguyễn Mai	Chinh	25/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,75	7,2	7,5	20.45
126	022310000138	Đỗ Thiên	Thư	13/04/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			8	6,2	6,25	20.45
127	022210012009	Nguyễn Cao	Quang	09/10/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 4, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,75	7,4	7,25	20.40

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
128	022210004236	Nguyễn Anh	Đức	17/10/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,5	7,6	7,25	20.35
129	022310007751	Hà Quỳnh	Chi	27/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,25	7	7	20.25
130	022210007648	Vương Thành	Bắc	17/07/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,5	7	6,75	20.25
131	022210003906	Doãn Tùng	Lâm	25/06/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 4, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,25	8	7	20.25
132	022210002900	Nguyễn Lê	Lâm	03/10/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,75	6	7,5	20.25
133	022210001087	Đoàn Hải	Long	20/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,5	6	7,5	20.00
134	022310005393	Bùi Thị Thanh	Tâm	14/10/2010	Hải Dương	Nữ	Kinh	Khu 11, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,5	7,2	6,25	19.95
135	022210007786	Nguyễn Tiến	Đạt	26/12/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 3, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,5	7,2	7,25	19.95
136	022310010848	Hoàng Ngọc	Trâm	18/11/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Đám buôn, Xã Đám Hà, Huyện Đám Hà, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,5	7,2	6,25	19.95
137	022310002762	Quách Tuyền	Anh	27/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7	6,4	6,5	19.90

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
138	022310006498	Ban Thị Như	Quỳnh	27/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Chay	Khu 9, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2	1		6	6,4	6,5	19.90
139	022210009101	Lê Đức	Anh	23/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,75	6,6	7,5	19.85
140	022310001874	Vũ Như	Quỳnh	28/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 9, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,75	6,8	7,25	19.80
141	022210003427	Đặng Vũ Gia	Huy	11/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 5, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,5	6,8	7,5	19.80
142	040310017703	Nguyễn Lê Anh	Thư	02/09/2010	Nghệ An	Nữ	Kinh	thôn 1, Xã Diễn Lợi, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,5	6	7,25	19.75
143	022210000418	Nguyễn Minh	Thái	09/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 11, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,25	7,2	7,25	19.70
144	022310003574	Diệp Ngọc	Diệp	18/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Sán Dìu	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2	1		5,5	5,6	7,5	19.60
145	022310005472	Nguyễn Thị Khánh	Linh	28/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 13, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,75	7,6	6,25	19.60
146	022210004656	Nguyễn Xuân	Hiếu	24/10/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6	5,6	8	19.60
147	022210002067	Phạm Duy	Bảo	19/07/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Thôn 9, Xã Nguyễn Huệ, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6	6	7,5	19.50

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
148	022210005321	Nguyễn Đức	Việt	30/01/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 2, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Chu Văn An	Tiếng Anh	2			6,5	5,4	7,5	19.40
149	022210001669	Trần Bảo	Lộc	01/05/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,5	5,6	7,25	19.35
150	022310011730	Đinh Thu	Hạnh	23/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 9, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,25	6,8	7,25	19.30
151	022210004086	Mai Đức	Trung	23/05/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,25	8	6	19.25
152	022310009268	Nguyễn Quỳnh	Trang	19/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,5	6,6	7	19.10
153	022310001256	Lê Thùy	Chi	30/05/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 5, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,25	6,8	7	19.05
154	022310011416	Ngô Bảo	Châm	21/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 9, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7,5	4,8	6,75	19.05
155	022310010132	Đỗ Thị Thu	Hà	04/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6	6	7	19.00
156	022310008328	Vũ Thảo	Ly	17/04/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 7, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6	6,2	6,75	18.95
157	022310001698	Vũ Bảo	Ngọc	21/12/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 5, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			8,25	3,4	7,25	18.90

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
158	033210002060	Doãn Văn	Nam	28/06/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 1, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6	6,4	6,5	18.90
159	022310007516	Trần Ánh	Vy	31/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 4, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7	5,6	6,25	18.85
160	022310000129	Trịnh Mai	Anh	29/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Mê Xá 3, Phường Hưng Đạo, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,75	5	7	18.75
161	035210006240	Cao Thái	Son	16/10/2010	Hà Nam	Nam	Kinh	Thôn Tín Đôn, Xã Liêm Túc, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam	Mông Dương	Tiếng Anh	2	1		5,5	7	5,25	18.75
162	022210008658	Hoàng Phi	Hồng	27/12/2010	Quảng Ninh	Nam	Tày	Khu 5, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2	1		7	4,6	6	18.60
163	022210008784	Bùi Quang	Tùng	01/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 1, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6	6,6	6	18.60
164	022210001568	Nguyễn Đức	Phuong	19/04/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2	1		2,25	9	6,25	18.50
165	022210009523	Ngô Hoàng Chí	Thanh	16/10/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,25	5,2	7	18.45
166	022210006304	Nguyễn Xuân	Lộc	26/07/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,5	5,4	6,5	18.40
167	040310000694	Mai Hoàng	Anh	27/01/2010	Nghệ An	Nữ	Kinh	Khôi Kim Tân, Phường Hoà Hiếu, Thị xã Thái Hoà, Tỉnh Nghệ An	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,5	6,4	5,5	18.40
168	022310004201	Phạm Thu	Hiền	05/07/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 11, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,5	5,6	7,25	18.35

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
169	022310006320	Đỗ Thị Ngọc	Linh	28/04/2010	Hải Dương	Nữ	Kinh	Khu 2, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6	5,4	6,75	18.15
170	022210003343	Nguyễn Quang	Phúc	03/01/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 13, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,5	6,8	5,75	18.05
171	022310007807	Trần Thị Thanh	Thúy	18/12/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 9, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,25	7,2	5,5	17.95
172	033210006966	Bùi Xuân	Anh	11/05/2010	Hưng Yên	Nam	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6	6,4	5,5	17.90
173	030210000413	Đỗ Thanh	Bình	09/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			4,75	8,4	4,75	17.90
174	022210001209	Vũ Ngọc	Tùng	23/06/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 9, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			4,75	5,6	7,5	17.85
175	030210004900	Vũ Ngọc	Dũng	02/12/2010	Hải Dương	Nam	Kinh	Phường Khê, Xã Chi Lăng Bắc, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,75	5,6	6,5	17.85
176	022310004984	Nguyễn Tường	Vy	31/03/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,5	5,2	6	17.70
177	022210012147	Bùi Tất	Dũng	20/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 11, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			4,75	6,4	6,5	17.65
178	034310000580	Đặng Huyền	Trang	05/04/2010	Thái Bình	Nữ	Kinh	dục dương đông, Xã Trà Giang, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,75	4,6	6,25	17.60

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
179	022310004842	Phạm Thị Khánh	Ngọc	26/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7,25	5,2	5	17.45
180	022210002437	Nguyễn Thành	An	10/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 5, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,5	6,2	5,75	17.45
181	034210005090	Nguyễn Minh	Đức	20/09/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,5	4,8	7	17.30
182	022210011578	Hạc Thông Đăng	Khoa	21/11/2010	Thái Nguyên	Nam	Tày	Khu 2, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2	1		5,5	5,6	5	17.10
183	036210019007	Đình Quang	Nghĩa	02/04/2010	Nam Định	Nam	Kinh	Khu 5, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6	5,6	5,5	17.10
184	030310012916	Nguyễn Thị Tường	Vy	07/10/2010	Hải Dương	Nữ	Kinh	Cư Lộc, Xã Minh Đức, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,25	4	6,75	17.00
185	022210001065	Lê Huỳnh Minh	Khang	04/05/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 3, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			4	7,4	5,5	16.90
186	022310009463	Phạm Yến	Nhi	23/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 3, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			7	4,6	5,25	16.85
187	022310000971	Phạm Thị Thanh	Hoa	09/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 5, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6	4,8	6	16.80
188	022310011487	Lê Thị Khánh	Linh	25/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 9, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,5	4,8	6,5	16.80

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
189	022310009706	Vũ Ngọc	Thu	05/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 2, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,5	4,8	6,5	16.80
190	022210007414	Trần Trung	Hiếu	23/10/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,25	5,8	5,75	16.80
191	022210005393	Nguyễn Hữu	Đạt	19/09/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 3, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,5	6,8	3,5	16.80
192	042210004964	Nguyễn Hữu	Nghĩa	23/12/2010	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6	5,2	5,5	16.70
193	022210001817	Trần Tiến	Dũng	10/01/2010	Nam Định	Nam	Kinh	Khu 3, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			4,5	6,4	5,75	16.65
194	022210001644	Trần Anh	Minh	03/03/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 2, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			4	7,4	5,25	16.65
195	022210009044	Nguyễn Duy	Khánh	13/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 4, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5	4,8	6,75	16.55
196	022210004219	Hoàng Trung	Hiếu	19/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5	4	7,5	16.50
197	022210006320	Hồ Tuấn	Đạt	21/09/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5	5	6,5	16.50
198	022210004601	Trần Công Quốc	Bảo	19/01/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 11, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,5	5,2	5,75	16.45

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
199	022210007717	Nguyễn Danh	Nam	31/05/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6	5,2	5,25	16.45
200	022310009157	Vũ Hà	Phương	18/06/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 11, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			2,75	7,4	6,25	16.40
201	022210010357	Phạm Tùng	Anh	11/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 5, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			3,5	7	5,75	16.25
202	022310000164	Lê Bảo	Hiền	10/01/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 9, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5	5,2	6	16.20
203	022210009971	Nguyễn Lương	Duy	14/10/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 9, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5	6,2	5	16.20
204	022210004760	Hồ Gia	Huy	24/10/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,75	4,6	5,75	16.10
205	034210003420	Bùi Đăng	Dương	21/05/2010	Thái Bình	Nam	Kinh	Thôn Vân Đông, Thị trấn Hưng Nhân, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình	Mông Dương	Tiếng Anh	2			4	5,8	6,25	16.05
206	022210011632	Lê Hải	Long	16/12/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 9, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6	2,8	7	15.80
207	022210011895	Đào Ngọc Tùng	Lâm	16/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 9, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			4	6,8	5	15.80
208	022310006529	Nguyễn Thị	Bình	10/09/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 3, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5	6	4,75	15.75

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
209	074310006105	Đinh Thị Phương	Thảo	07/11/2010	Bình Dương	Nữ	Kinh	Khu 3, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,25	5,2	5,25	15.70
210	022310006801	Trần Huyền	Trang	25/11/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 11, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,75	3,2	5,75	15.70
211	022210006822	Nguyễn Trường	Thành	07/10/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 7, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			4,75	5,2	5,75	15.70
212	022310003798	Dương Bảo	Anh	02/08/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			3,75	8,4	3,5	15.65
213	034210004364	Đinh Thiện	Nhân	15/01/2010	Thái Bình	Nam	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,5	3,6	6,5	15.60
214	022210009385	Đồng Minh	Long	25/02/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 4, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			3,5	4,4	7,5	15.40
215	034310010867	Ngô Thị Tường	Vy	21/11/2010	Thái Bình	Nữ	Kinh	Hiệp Lực, Xã An Khê, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình	Mông Dương	Tiếng Anh	2			4,5	5,6	5,25	15.35
216	022310000965	Phùng Thị Thanh	Mai	05/04/2010	Nam Định	Nữ	Kinh	Khu 6, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,5	3,8	6	15.30
217	022210001790	Vũ Đỗ Thành	Nam	04/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6,75	4	4,5	15.25
218	022310000912	Tạ Quỳnh	Hương	09/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 7, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			4,5	4,2	6,25	14.95

Stt	Mã định danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Thường trú	Trường THCS	Ngoại ngữ	Nhóm XT	Điểm UT	Điểm KK	Điểm các môn thi			Điểm xét tuyển
														Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	
219	030210002045	Phạm Việt	Hùng	23/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			3,5	7,4	4	14.90
220	031210011832	Phạm Minh	Tuấn	08/08/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Làng Thượng, Xã Mỹ Đức, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng	Mông Dương	Tiếng Anh	2			4,75	5,4	4,75	14.90
221	034210009911	Trần Đức	Anh	18/11/2010	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Khu 2, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			2,75	6,6	5,5	14.85
222	027310010331	Nguyễn Thị Phương	Thảo	14/04/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 11, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			5,5	2,8	6,5	14.80
223	022310004157	Bùi Thị Bích	Thùy	16/10/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Khu 12, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	Mông Dương	Tiếng Anh	2			6	4,2	4,5	14.70

(Danh sách có 223 học sinh)